

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2018 ĐẾN NGÀY 30/6/2018**

---

Tháng 7 năm 2018



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG

## MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC	10 - 42

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018.

#### Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng quản trị**

Ông Phạm Kỳ Hưng	Chủ tịch
Ông Đào Viết Trúc	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thúy	Thành viên
Ông Bùi Ngọc Phương	Thành viên
Ông Phạm Đức Duy	Thành viên

##### **Ban Giám đốc**

Bà Nguyễn Thị Thúy	Tổng Giám đốc (từ ngày 18/7/2018)
Ông Phạm Đức Duy	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 03/7/2018)
Ông Đào Viết Liễu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 03/7/2018)
Ông Phạm Kỳ Hưng	Tổng Giám đốc (trước ngày 18/7/2018)
Ông Đào Viết Trúc	Phó Tổng Giám đốc thường trực (trước ngày 03/7/2018)
Ông Bùi Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc (trước ngày 03/7/2018)

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2018, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Nguyễn Thị Thúy**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 10 tháng 8 năm 2018

Số: 05 /2018/SX-AVHP-TC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10/8/2018, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con, công ty liên kết sử dụng để hợp nhất chưa được soát xét.



**Vũ Thị Hương Giang**

**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0388-2018-055-1

**Thay mặt và đại diện**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

Hải Phòng, ngày 10 tháng 8 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu số B01a - DN/HN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018	01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>362.776.100.640</b>	<b>380.514.548.226</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>128.825.756.684</b>	<b>199.154.518.842</b>
1. Tiền	111	5	2.122.291.420	7.042.641.862
2. Các khoản tương đương tiền	112		126.703.465.264	192.111.876.980
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>141.138.258.213</b>	<b>113.025.278.444</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	11.1	67.650.006.656	52.633.357.227
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	11.2	(18.476.586.656)	(4.889.607.227)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11.3	91.964.838.213	65.281.528.444
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>88.641.094.987</b>	<b>61.542.167.985</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	70.320.931.404	41.777.984.031
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.308.149.939	1.153.234.118
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		116.382.410	230.466.722
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11.4	100.000.000	100.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	7.1	19.404.616.305	23.099.239.951
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(3.564.234.790)	(5.779.006.556)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	9	955.249.719	960.249.719
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.795.063.416</b>	<b>6.355.270.315</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	2.795.063.416	6.355.270.315
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.375.927.340</b>	<b>437.312.640</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.1	888.114.159	417.197.511
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		461.942.157	1.252.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19.2	25.871.024	18.863.129
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>330.542.403.347</b>	<b>326.556.238.438</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7.2	10.000.000	10.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>88.218.822.329</b>	<b>89.589.912.446</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	88.206.926.507	89.574.099.956
- Nguyên giá	222		129.280.844.944	129.366.154.392
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.073.918.437)	(39.792.054.436)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	11.895.822	15.812.490
- Nguyên giá	228		107.600.000	107.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.704.178)	(91.787.510)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	16	<b>78.924.396.084</b>	<b>82.483.938.387</b>
- Nguyên giá	231		146.910.956.526	146.910.956.526
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(67.986.560.442)	(64.427.018.139)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>39.499.410.164</b>	<b>39.520.132.533</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	39.499.410.164	39.520.132.533
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>123.665.977.687</b>	<b>114.404.477.526</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	11.5	103.272.582.324	93.964.845.663
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11.5	27.726.294.273	27.726.294.273
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	11.6	(7.332.898.910)	(7.286.662.410)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>223.797.083</b>	<b>547.777.546</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.2	223.797.083	547.777.546
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>693.318.503.987</b>	<b>707.070.786.664</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu số B01a - DN/HN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018	01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>134.458.014.146</b>	<b>157.773.710.670</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>117.334.952.969</b>	<b>140.381.371.232</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	7.847.843.643	10.823.901.629
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.952.967.425	1.482.535.709
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19.1	1.467.506.995	30.008.974.832
4. Phải trả người lao động	314		870.828.189	1.870.242.794
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.568.594.423	3.319.519.758
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21.1	2.906.671.672	3.854.624.647
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22.1	77.918.265.541	66.417.251.665
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	6.367.697.634	6.367.697.634
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.434.577.447	16.236.622.564
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.123.061.177</b>	<b>17.392.339.438</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21.2	322.827.282	326.454.554
2. Phải trả dài hạn khác	337	22.2	3.730.268.300	3.768.750.807
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	11.718.972.037	11.718.972.037
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	25	1.350.993.558	1.578.162.040
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>558.860.489.841</b>	<b>549.297.075.994</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>558.860.489.841</b>	<b>549.297.075.994</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	26	155.430.290.000	155.430.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.430.290.000	155.430.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	26	974.823	974.823
3. Cổ phiếu quỹ	415	26	(355.559.700)	(355.559.700)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	26	28.016.266.582	28.016.266.582
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	26	10.235.829.384	10.235.829.384
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	26a	312.127.234.631	303.881.610.910
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		283.968.345.534	61.599.152.600
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.158.889.097	242.282.458.310
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	26	53.405.454.121	52.087.663.995
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>693.318.503.987</b>	<b>707.070.786.664</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*Vũ Thị Vân Thường*

*Lưu Thị Phương*

Vũ Thị Vân Thường

Lưu Thị Phương

Nguyễn Thị Thúy

Hải Phòng, ngày 10 tháng 8 năm 2018





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

Mẫu số B02a - DN/HN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	77.614.672.769	132.169.975.183
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	77.614.672.769	132.169.975.183
4. Giá vốn hàng bán	11	29	50.626.227.567	107.164.173.037
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		26.988.445.202	25.005.802.146
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	8.844.622.367	77.201.992.670
7. Chi phí tài chính	22	31	14.230.209.161	497.837.832
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		13.613.137.836	9.395.630.233
9. Chi phí bán hàng	25	32.1	100.522.580	107.598.599
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32.2	4.646.804.959	6.194.847.138
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		30.468.668.705	104.803.141.480
12. Thu nhập khác	31	33	2.006.706.104	912.927.605
13. Chi phí khác	32	34	181.823.308	3.439.265.544
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.824.882.796	(2.526.337.939)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		32.293.551.501	102.276.803.541
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	3.123.975.961	18.394.002.717
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	(227.168.483)	394.281.161
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		29.396.744.023	83.488.519.663
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		28.158.889.097	84.125.784.632
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.237.854.926	(637.264.969)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	1.813	5.412

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 10 tháng 8 năm 2018

Tổng Giám đốc

Vũ Thị Vân Thường

Lưu Thị Phương

Nguyễn Thị Thúy



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

Mẫu số B03a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.293.551.501	102.276.803.541
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	14, 15, 16	4.923.582.535	6.903.670.051
- Các khoản dự phòng	03		11.418.444.163	1.320.978.622
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	30	(419.401)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	30, 33	(8.311.891.144)	(76.863.086.554)
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(18.536.131.211)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		40.323.267.654	15.102.234.449
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(27.179.406.397)	(34.925.203.941)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.560.206.899	1.096.975.637
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(23.178.031.038)	45.283.572.815
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(146.936.185)	551.650.824
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(15.016.649.429)	(6.816.495.000)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(31.352.772.315)	(6.391.031.211)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(802.045.117)	(762.472.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(53.792.365.928)	13.139.231.073
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		-	(2.026.787.444)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	33	14.254.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(75.187.309.769)	(24.983.061.667)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		48.504.000.000	100.102.950.188
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.132.239.593	2.318.613.163
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.536.815.631)	75.411.714.240
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		706.531.876	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(706.531.876)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(23.305.841.025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(23.305.841.025)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(70.329.181.559)	65.245.104.288
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		199.154.518.842	91.630.853.095
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	30	419.401	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70		128.825.756.684	156.875.957.383

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu 6 tháng đầu năm 2018.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 10 tháng 8 năm 2018



Vũ Thị Vân Thường

Lưu Thị Phương

Nguyễn Thị Thúy

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC****MẪU SỐ B09a - DN/HN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng, trụ sở đặt tại tầng 3 tòa nhà Htower II số 195 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000346 ngày 25/12/2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200509429 thay đổi lần thứ 15 ngày 24/9/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ là 155.430.290.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh: xây dựng, dịch vụ lưu trú.****1.3 Ngành nghề kinh doanh:**

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình giao thông, cầu cống;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35 KV;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm quầy bar);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Tư vấn lập dự án; Tư vấn quản lý dự án;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống phòng cháy chữa cháy;
- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Phá dỡ;
- Lắp dựng khung nhà tiền chế;
- Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất khung nhà tiền chế;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, kênh mương;
- Bán buôn sơn, véc ni;
- Kinh doanh bất động sản (bao gồm kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng, cho thuê nhà ở);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ (không bao gồm môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)      MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** trong vòng 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:**  
không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

**1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:**

Đơn vị	Địa chỉ	HĐKD chính
<b>A Các công ty con</b>		
1 Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Haco 3D	Số 7 Hồ Sen, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
2 Công ty Cổ phần ACS Việt Nam	Km 10 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng	Quảng cáo, in ấn
3 Công ty Thời đại ACS (sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần ACS Việt Nam)	Số 168 Nguyễn Công Trứ, Phường Dư Hàng Kênh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	In ấn
4 Công ty Du lịch văn hóa ACS (sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần ACS Việt Nam)	Số 10 Phạm Văn Đồng, Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng	Kinh doanh các dịch vụ du lịch
5 Công ty Kinh doanh vận chuyển hành khách Hải Phòng (sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần ACS Việt Nam)	Số 5 Hồ Xuân Hương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	Vận tải đường bộ
<b>B Các công ty liên doanh, liên kết</b>		
1 Công ty Liên doanh Làng quốc tế Hướng Dương GS - HP	Số 35 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
2 Công ty Cổ phần Thành Hưng	Đường N1, Khu phố Trung Lợi, Huyện Chơng Thành, Thị trấn Chơng Thành, Tỉnh Bình Phước	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

**Các công ty con được hợp nhất:**

Tên	Tỷ lệ sở hữu (%)		Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
	30/6/2018	01/01/2018	30/6/2018	01/01/2018	30/6/2018	01/01/2018
1 Công ty Cổ phần ACS Việt Nam	50,96	50,96	50,96	50,96	50,96	50,96
2 Công ty Thời đại ACS	25,99	25,99	25,99	25,99	25,99	25,99
3 Công ty Du lịch văn hóa ACS	50,96	50,96	50,96	50,96	50,96	50,96

Công ty nắm giữ 25,99% quyền biểu quyết tại Công ty Thời đại ACS và 50,96% quyền biểu quyết tại Công ty Du lịch ACS thông qua Công ty Cổ phần ACS Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)      MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**Các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất:**

Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Haco 3D đã ngừng hoạt động kinh doanh từ năm 2016 và Công ty Kinh doanh vận chuyển hành khách Hải Phòng đã dừng hoạt động từ năm 2009. Do đó, công ty mẹ xác định việc không hợp nhất các công ty con này là không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của toàn Công ty.

**Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu:**

Tên	Tỷ lệ sở hữu, Tỷ lệ lợi ích, Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
	30/6/2018	01/01/2018
1 Công ty Liên doanh Làng quốc tế Hướng Dương GS - HP	40	40
2 Công ty Cổ phần Thành Hưng	31	31

**1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:** các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 là một kỳ kế toán của năm tài chính 2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này:

**4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thụ được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)    MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Khoản đầu tư vào công ty con bị loại trừ khỏi việc hợp nhất nêu trên được chuyển sang chỉ tiêu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và được trình bày theo phương pháp giá gốc.

#### 4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 4.3 Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh bằng không. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại 30/6/2018, Công ty sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam là 22.959 VND/USD để đánh giá lại khoản tiền gửi có gốc ngoại tệ tại ngân hàng này.

#### 4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

#### 4.5 Các khoản đầu tư tài chính

##### 4.5.1 Chứng khoán kinh doanh:

Phản ánh giá trị các khoản cổ phiếu nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)      MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Cổ tức được chia cho giai đoạn sau ngày chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của chứng được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**4.5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Phản ánh khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

**4.5.3 Các khoản cho vay:**

Phản ánh các khoản cho vay bằng kế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa hai bên có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo. Các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi phát sinh.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

**4.5.4 Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác:**

**Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài**

**Đầu tư vào công ty liên kết:**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)      MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu tại thời điểm góp vốn (có ảnh hưởng đáng kể) theo giá gốc. Giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại 30/6/2018 bằng giá gốc cộng (+) giá trị tăng thêm hoặc trừ (-) giá trị giảm bớt khi hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:**

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

**Ghi nhận các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng...

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết và góp vốn vào đơn vị khác là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và phần sở hữu của Công ty tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư dùng để xác định phần sở hữu của Công ty là báo cáo tài chính riêng của bên nhận đầu tư.

**4.6 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, bao gồm: lợi nhuận được chia, lãi dự thu, các khoản tạm ứng và các khoản khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Một số khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng Ban Giám đốc xác định thu hồi dần được thì Công ty không trích lập dự phòng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)**4.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh của các hợp đồng quảng cáo chưa hoàn thành.

Giá thành sản phẩm nhập kho được tính theo phương pháp giản đơn.

**4.8 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính hoặc giá trị còn lại chia cho thời gian hữu dụng còn lại (đối với các tài sản có thay đổi thời gian khấu hao), phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 16
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08

**4.9 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 đến 09 năm, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

**4.10 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)      MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 25 năm, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

#### **4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **4.12 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 01 năm đến 03 năm kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

#### **4.13 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: tài sản thừa chờ giải quyết; cổ tức phải trả; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; phải trả ngân sách nhà nước cho dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Hội chợ triển lãm thương mại - văn hóa Hải Phòng; tiền bán chứng khoán nhận trước; các khoản nhận ký cược, ký quỹ và các khoản khác. Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Dự phòng phải trả được thực hiện theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.16.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)      MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**4.14 Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay và theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

**4.15 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm:

- Trích trước giá vốn của các công trình xây dựng đã được khách hàng nghiệm thu xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành, được trích trước vào giá vốn để phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ;
- Chi phí phải trả khác là khoản trích trước giá vốn của các hợp đồng quảng cáo dựa trên cơ sở dự toán đã được cấp thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng, để phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**4.16 Dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dự phòng phải trả là dự phòng bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại hợp đồng xây dựng là các khoản chi phí ước tính cho việc sửa chữa các công trình do Công ty thực hiện cho khách hàng, được trích lập với tỷ lệ 5% doanh thu ghi nhận trong kỳ đối với các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành và đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4.17 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trên cơ sở số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về hoạt động quảng cáo và khoản khách hàng trả trước tiền mua nhà của Công ty.

Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ vào doanh thu theo phương pháp đường thẳng dựa trên số tiền đã thu được và số kỳ thu tiền trước.

**4.18 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)      MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Cổ phiếu quỹ được phản ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và chi phí liên quan đến việc mua lại và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21/5/2018.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là một phần lợi nhuận và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con. Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### **4.19 Doanh thu và thu nhập khác**

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng:*

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được *thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện*, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu hoạt động tài chính* bao gồm: lãi tiền gửi, tiền cho vay; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi do bán chứng khoán kinh doanh và lãi chênh lệch tỷ giá. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.
- Lãi do bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch lớn hơn giữa giá bán và giá mua.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)    MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

- Chênh lệch tỷ giá phản ánh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

*Thu nhập khác* phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

**4.20 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu, bao gồm: trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

**4.21 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: lỗ do bán chứng khoán kinh, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất các khoản đầu tư và chi phí tài chính khác. Cụ thể như sau:

- Lỗ do bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch nhỏ hơn giữa giá bán và giá mua và các chi phí khác liên quan đến giao dịch chứng khoán trong kỳ.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất các khoản đầu tư được trích lập theo quy định như trình bày tại thuyết minh số 4.5.

- Chi phí tài chính khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

**4.22 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh chi phí nhân viên bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của kỳ kế toán.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

**4.23 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong kỳ.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong kỳ lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong kỳ hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong kỳ lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong kỳ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)      MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### **4.24 Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

##### **Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ**

Số dư các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Công ty, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ, trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được. Các giao dịch nội bộ được giả định là đã thực hiện hết trong kỳ.

##### **Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở chỉ tiêu riêng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### **4.25 Công cụ tài chính**

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)**Nợ phải trả tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

**Giá trị sau ghi nhận ban đầu**

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4.26 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Công ty có các công ty liên kết là Công ty Liên doanh Làng quốc tế Hướng Dương GS - HP (góp 40% vốn điều lệ) và Công ty Cổ phần Thành Hưng (góp 31% vốn điều lệ). Theo đó, các công ty này được coi là bên liên quan của Công ty.

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các cá nhân trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 11, 28, 42.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG**      **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/6/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**      **MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**5. TIỀN**

	<b>30/6/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	269.072.750	326.272.539
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.853.218.670	6.716.369.323
<b>Cộng</b>	<b>2.122.291.420</b>	<b>7.042.641.862</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>30/6/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>70.320.931.404</b>	<b>41.777.984.031</b>
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	60.969.719.474	29.190.460.518
<i>Công ty Liên doanh Làng quốc tế Hương Dương GS - HP</i>	60.969.719.474	29.190.460.518
Các khoản phải thu của khách hàng khác	9.351.211.930	12.587.523.513
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
<i>Công ty Liên doanh Làng quốc tế Hương Dương GS - HP</i>	60.969.719.474	29.190.460.518

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<b>30/6/2018</b>		<b>01/01/2018</b>	
	<b>VND</b>		<b>VND</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>7.1 Ngắn hạn</b>	<b>19.404.616.305</b>	<b>2.992.829.585</b>	<b>23.099.239.951</b>	<b>2.992.829.585</b>
Tạm ứng	3.314.824.093	2.992.829.585	8.649.877.403	2.992.829.585
Phải thu về lợi nhuận được chia	6.006.601.494	-	7.471.464.494	-
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	31.507.726		90.839.859	
Phải thu tiền cổ tức chứng khoán	-		650.000.000	
Lãi dự thu	1.821.661.218		2.184.351.327	
Phải thu khác	8.230.021.774	-	4.052.706.868	-
<b>7.2 Dài hạn</b>	<b>10.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.000.000</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG**      **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/6/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
Số dư đầu kỳ	(5.779.006.556)	(5.506.489.306)
Trích lập dự phòng	-	(272.517.250)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	2.214.771.766	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(3.564.234.790)</b>	<b>(5.779.006.556)</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Phải thu của khách hàng	(571.405.205)	(2.786.176.971)
- Tạm ứng	(2.992.829.585)	(2.992.829.585)

**9. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ**

	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>01/01/2017 VND</b>
Tiền	960.249.719	968.249.719
<b>Cộng</b>	<b>960.249.719</b>	<b>968.249.719</b>

Khoản này vẫn đang được Công ty CP ACS Việt Nam làm các thủ tục liên quan để thu lại số tiền nộp thừa trước đây.

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/6/2018 VND</b>		<b>01/01/2018 VND</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Nguyên liệu, vật liệu	683.976.853	-	722.278.938	-
Công cụ, dụng cụ	9.114.914	-	9.150.204	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.561.992.184	-	5.111.285.467	-
Thành phẩm	15.719.244	-	10.405.906	-
Hàng hóa	524.260.221	-	502.149.800	-
<b>Cộng</b>	<b>2.795.063.416</b>	<b>-</b>	<b>6.355.270.315</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

## 11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN/HN

	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	30/6/2018		Đơn vị tính: VND	
				Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>11.1 Chứng khoán kinh doanh (cổ phiếu)</b>	<b>3.169.200</b>	<b>67.650.006.656</b>	<b>49.173.420.000</b>	<b>(18.476.586.656)</b>	<b>2.049.200</b>	<b>52.633.357.227</b>	<b>47.743.750.000</b>
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (DPM)	600.000	13.761.125.077	10.320.000.000	(3.441.125.077)	650.000	14.907.885.500	13.975.000.000
Công ty CP Tập đoàn container Việt Nam (VSC)	520.000	24.626.758.947	18.122.000.000	(6.504.758.947)	514.200	24.934.766.000	22.110.600.000
Công ty CP Cao su Đắk Lắk (DRI)	590.000	7.874.140.000	4.720.000.000	(3.154.140.000)	600.000	8.007.670.000	7.200.000.000
Công ty CP Xếp dỡ Hải An (HAH)	300.000	5.724.885.727	4.050.000.000	(1.674.885.727)	200.000	4.324.885.727	4.000.000.000
Công ty CP Khai khoáng và Cơ khí hữu nghị Vĩnh Sinh (MAX)	45.000	234.650.000	234.650.000	-	45.000	234.650.000	234.650.000
Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Bắc Á (BAM)	40.000	223.500.000	223.500.000	-	40.000	223.500.000	223.500.000
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (PHP)	74.000	962.000.000	865.800.000	(96.200.000)	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	345.000	5.329.018.333	3.984.750.000	(1.344.268.333)	-	-	-
Tập đoàn Dệt may Việt Nam (VGT)	125.200	1.949.751.429	1.389.720.000	(560.031.429)	-	-	-
Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP (PVC)	240.000	2.683.870.000	1.464.000.000	(1.219.870.000)	-	-	-
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (POW)	290.000	4.280.307.143	3.799.000.000	(481.307.143)	-	-	-

## 11.2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
VND	VND

Số dư đầu kỳ	(4.889.607.227)	(182.457.772)
Trích lập dự phòng	(13.774.069.106)	(221.001.071)
Hoàn nhập dự phòng	187.089.677	182.457.772
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-

## Số dư cuối kỳ

(18.476.586.656)	(221.001.071)
------------------	---------------



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Mẫu số B09a - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

## Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>11.3 Ngắn hạn</b>	<b>91.964.838.213</b>	<b>91.964.838.213</b>	<b>65.281.528.444</b>	<b>65.281.528.444</b>
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	22.577.855.556	22.577.855.556	26.470.000.000	26.470.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn	24.910.000.000	24.910.000.000	14.050.000.000	14.050.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	22.547.406.811	22.547.406.811	12.730.000.000	12.730.000.000
Trái phiếu của Tập đoàn Vingroup - CTCP	2.900.884.000	2.900.884.000	2.900.884.000	2.900.884.000
Các khoản đầu tư khác	19.028.691.846	19.028.691.846	9.130.644.444	9.130.644.444

## Phải thu về cho vay

	30/6/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>11.4 Ngắn hạn</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
Cá nhân	100.000.000	100.000.000

## 11.5 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2018			01/01/2018		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	103.272.582.324	-	103.272.582.324	93.964.845.663	-	93.964.845.663
Đầu tư vào đơn vị khác	27.726.294.273	(7.332.898.910)	20.393.395.363	27.726.294.273	(7.286.662.410)	20.439.631.863

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 30/6/2018 như sau:

Tên công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Vốn điều lệ (VND)	Giá trị (VND)
Công ty LD Làng quốc tế Hướng Dương GS - HP	40%	40%	40%	94.048.163.210	88.678.408.965
Công ty CP Thành Hưng	31%	31%	31%	80.000.000.000	14.594.173.359
<b>Cộng</b>				<b>174.048.163.210</b>	<b>103.272.582.324</b>

Công ty Cổ phần Thành Hưng chưa góp đủ vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 26/3/2014.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

MẪU SỐ B09a - DN/HN

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

	30/6/2018			Đơn vị tính: VND 01/01/2018		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	7.280.276.500	(46.236.500)	7.234.040.000	7.280.276.500	-	7.280.276.500
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Haco 3D (*)	2.757.555.677	(280.078.416)	2.477.477.261	2.757.555.677	(280.078.416)	2.477.477.261
Công ty Kinh doanh vận chuyển hành khách Hải Phòng (*)	17.688.462.096	(7.006.583.994)	10.681.878.102	17.688.462.096	(7.006.583.994)	10.681.878.102
<b>Cộng</b>	<b>27.726.294.273</b>	<b>(7.332.898.910)</b>	<b>20.393.395.363</b>	<b>27.726.294.273</b>	<b>(7.286.662.410)</b>	<b>20.439.631.863</b>

(\*) Xem thêm tại thuyết minh số 4.1.

**11.6 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn**

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	(7.286.662.410)	(7.108.072.794)
Trích lập dự phòng	(46.236.500)	(1.383.924.123)
Hoàn nhập dự phòng	-	101.488.800
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(7.332.898.910)</b>	<b>(8.390.508.117)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)      MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**12. NỢ XẤU**

	30/6/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>	<b>3.564.234.790</b>	<b>-</b>	<b>5.779.006.556</b>	<b>-</b>
- Nhà ở Khu biệt thự An Phú	-	-	1.915.743.350	-
Thời gian quá hạn: 36 tháng				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	-	-	1.915.743.350	-
- Công ty Công nghiệp Tàu thủy và Xây dựng Sông Hồng	-	-	249.028.416	-
Thời gian quá hạn: 36 tháng				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	-	-	249.028.416	-
- Công ty Xuất nhập khẩu và Đầu tư xây dựng HN (Zong seng)	-	-	50.000.000	-
Thời gian quá hạn: 36 tháng				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	-	-	50.000.000	-
- Các đối tượng khác	3.564.234.790	-	3.564.234.790	-

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/6/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
<b>13.1 Ngắn hạn</b>	<b>888.114.159</b>		<b>417.197.511</b>	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	829.541.963		230.535.441	
Các khoản khác	58.572.196		186.662.070	
<b>13.2 Dài hạn</b>	<b>223.797.083</b>		<b>547.777.546</b>	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	91.835.588		288.657.357	
Các khoản khác	131.961.495		259.120.189	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09a - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

## 14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại 01/01/2018	67.957.191.306	8.099.925.717	2.899.776.727	703.715.509	49.705.545.133	129.366.154.392
Mua sắm	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	85.309.448	85.309.448
Tại 30/6/2018	67.957.191.306	8.099.925.717	2.899.776.727	703.715.509	49.620.235.685	129.280.844.944
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại 01/01/2018	21.979.581.532	7.442.174.798	1.435.204.732	656.145.753	8.278.947.621	39.792.054.436
Khấu hao trong kỳ	960.558.798	95.243.207	179.585.762	13.815.439	110.920.358	1.360.123.564
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	78.259.563	78.259.563
Tại 30/6/2018	22.940.140.330	7.537.418.005	1.614.790.494	669.961.192	8.311.603.416	41.073.918.437
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2018	45.977.609.774	657.750.919	1.464.571.995	47.569.756	41.426.597.512	89.574.099.956
Tại 30/6/2018	45.017.050.976	562.507.712	1.284.986.233	33.754.317	41.308.627.269	88.206.926.507

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại 30/6/2018: 18.339.645.431 VND; tại 31/12/2017: 16.280.582.305 VND.

## 15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ khác	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2018	74.000.000	33.600.000	107.600.000
Giảm khác	-	-	-
Tại 30/6/2018	74.000.000	33.600.000	107.600.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại 01/01/2018	58.187.510	33.600.000	91.787.510
Khấu hao trong kỳ	3.916.668	-	3.916.668
Tại 30/6/2018	62.104.178	33.600.000	95.704.178
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2018	15.812.490	-	15.812.490
Tại 30/6/2018	11.895.822	-	11.895.822



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG**      **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/6/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**      **MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND Số cuối kỳ
<b>BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>146.910.956.526</b>			<b>146.910.956.526</b>
Chung cư 197 Văn Cao	84.736.595.311	-	-	84.736.595.311
Nhà hợp khối lô S Văn Cao	23.896.000.038	-	-	23.896.000.038
Chung cư 195 Văn Cao	38.035.450.158	-	-	38.035.450.158
Khác	242.911.019	-	-	242.911.019
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>64.427.018.139</b>	<b>3.559.542.303</b>		<b>67.986.560.442</b>
Chung cư 197 Văn Cao	35.799.399.480	1.518.161.974	-	37.317.561.454
Nhà hợp khối lô S Văn Cao	6.578.529.217	1.204.934.105	-	7.783.463.322
Chung cư 195 Văn Cao	21.813.816.236	835.505.424	-	22.649.321.660
Khác	235.273.206	940.800	-	236.214.006
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>82.483.938.387</b>			<b>78.924.396.084</b>
Chung cư 197 Văn Cao	48.937.195.831			47.419.033.857
Nhà hợp khối lô S Văn Cao	17.317.470.821			16.112.536.716
Chung cư 195 Văn Cao	16.221.633.922			15.386.128.498
Khác	7.637.813			6.697.013

**17. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND
Tại ngày 01 tháng 01 (*)	39.520.132.533	40.149.105.946
Tăng trong kỳ	-	920.212.194
Xây dựng cơ bản	-	920.212.194
Giảm trong kỳ	20.722.369	3.328.159.740
Kết chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh	20.722.369	3.328.159.740
Tại ngày 30 tháng 6 (*)	39.499.410.164	37.741.158.400

(\*) Bao gồm:

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
Cải tạo chung cư lô Q	-	20.722.369
Dự án 50 Đinh Tiên Hoàng	14.201.715.487	14.201.715.487
Hạ tầng giai đoạn 2 Trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc tế Hải Phòng	14.523.802.298	14.523.802.298
Hạ tầng giai đoạn 3 Trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc tế Hải Phòng	10.773.892.379	10.773.892.379
<b>Cộng</b>	<b>39.499.410.164</b>	<b>39.520.132.533</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)    MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.847.843.643</b>	<b>10.823.901.629</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	3.643.025.335	5.886.724.535
Công ty Xây dựng và Dịch vụ Ngô Quyền	3.643.025.335	3.643.025.335
Công ty TNHH Chinh Thái	-	2.243.699.200
Phải trả cho các đối tượng khác	4.204.818.308	4.937.177.094

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	93.548.953	304.159.313
Thuế tiêu thụ đặc biệt	969.231	415.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.199.318.251	29.428.114.605
Thuế thu nhập cá nhân	(22.928.526)	86.694.338
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	137.732.000	137.732.000
Các loại thuế khác	32.594.062	32.594.062
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	402.000	402.000
<b>Cộng</b>	<b>1.441.635.971</b>	<b>29.990.111.703</b>
Trong đó:		
19.1 Phải nộp	1.467.506.995	30.008.974.832
19.2 Phải thu	25.871.024	18.863.129

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.568.594.423</b>	<b>3.319.519.758</b>
Trích trước giá vốn công trình xây dựng	1.506.264.206	2.722.090.395
Trích trước giá vốn hợp đồng quảng cáo theo dự toán	1.062.330.217	597.429.363

**21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>21.1 Ngắn hạn</b>	<b>2.906.671.672</b>	<b>3.854.624.647</b>
Doanh thu nhận trước về dịch vụ quảng cáo	2.114.762.218	3.099.955.264
Doanh thu nhận trước khác	791.909.454	754.669.383
<b>21.2 Dài hạn</b>	<b>322.827.282</b>	<b>326.454.554</b>
Doanh thu nhận trước khác	322.827.282	326.454.554



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)    MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**22. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>22.1 Ngắn hạn</b>	<b>77.918.265.541</b>	<b>66.417.251.665</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	49.638.749	49.638.749
Kinh phí công đoàn	256.928.622	226.180.239
Bảo hiểm xã hội	70.963.730	32.630.904
Bảo hiểm y tế	9.331.599	2.821.308
Bảo hiểm thất nghiệp	8.858.423	5.893.235
Phải trả ngân sách nhà nước (cấp cho Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Hội chợ triển lãm thương mại - văn hóa Hải Phòng)	40.023.429.000	40.023.429.000
Cổ tức phải trả	15.669.167.950	141.238.950
Phải trả tiền điện, nước, vật tư xây lắp	13.447.536.925	17.909.027.968
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.382.410.543	8.026.391.312
<b>22.2 Dài hạn</b>	<b>3.730.268.300</b>	<b>3.768.750.807</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	3.730.268.300	3.768.750.807

**23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	Cộng
	Đơn vị tính: VND	
<b>Ngắn hạn</b>		
Tại ngày 01/01/2018	6.367.697.634	6.367.697.634
Trích lập dự phòng	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-
<b>Tại ngày 30/6/2018</b>	<b>6.367.697.634</b>	<b>6.367.697.634</b>

**24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Thông tin bổ sung về các khoản vay	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Dài hạn</b>	<b>11.718.972.037</b>	<b>11.718.972.037</b>
Công ty Kinh doanh vận chuyển hành khách Hải Phòng	11.218.972.037	11.218.972.037
Công ty Xây dựng và Dịch vụ Ngô Quyền	500.000.000	500.000.000

**25. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả: 20%		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	1.350.993.558	1.578.162.040

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

MẪU SỐ B09a - DN/HN

## 26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## BẢNG ĐỐI CHIẾU-BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Tại ngày 01/01/2018	155.430.290.000	974.823	(355.559.700)	28.016.266.582	10.235.829.384	303.801.675.710	52.167.599.195	549.297.075.994
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	28.158.889.097	1.237.854.926	29.396.744.023
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	28.158.889.097	1.237.854.926	29.396.744.023
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	19.833.330.176	-	19.833.330.176
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	15.527.929.000	-	15.527.929.000
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	4.305.401.176	-	4.305.401.176
Tại ngày 30/6/2018	155.430.290.000	974.823	(355.559.700)	28.016.266.582	10.235.829.384	312.127.234.631	53.405.454.121	558.860.489.841

Đơn vị tính: VND

## CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/6/2018			01/01/2018		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
Vốn góp của các cổ đông	155.430.290.000	155.430.290.000	-	155.430.290.000	155.430.290.000	-
Cộng	155.430.290.000	155.430.290.000	-	155.430.290.000	155.430.290.000	-

Đơn vị tính: VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG**      **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/6/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**      **MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
 (Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỐ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 30/6 của công ty mẹ trước hợp nhất	241.545.310.176	116.284.801.527
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 30/6 của các công ty con trước hợp nhất	(9.635.924.006)	(18.429.752.654)
Thay đổi lợi nhuận trong kỳ khi hợp nhất	80.217.848.461	66.165.811.006
<b>Cộng</b>	<b>312.127.234.631</b>	<b>164.020.859.879</b>

<b>b. Cổ phiếu</b>	<b>30/6/2018 Cổ phiếu</b>	<b>01/01/2018 Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.543.029	15.543.029
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.543.029	15.543.029
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.543.029</i>	<i>15.543.029</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại ( <i>cổ phiếu quỹ</i> )	15.100	15.100
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.100</i>	<i>15.100</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.527.929	15.527.929
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.527.929</i>	<i>15.527.929</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

<b><u>Ngoại tệ các loại</u></b>	<b>30/6/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Đô la Mỹ (USD)	1.987,31	2.013,71
<b><u>Nợ khó đòi đã xử lý</u></b>	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
Nhà ở Khu biệt thự An Phú	1.915.743.350	-
Công ty Công nghiệp tàu thủy và Xây dựng Sông Hồng	249.028.416	-
Công ty XNK và Đầu tư xây dựng HN (Zong seng)	50.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.214.771.766</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG**      **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/6/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)      MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**28. DOANH THU**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>77.614.672.769</b>	<b>132.169.975.183</b>
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	48.881.932.034	48.335.597.411
Doanh thu hợp đồng xây dựng	28.732.740.735	83.834.377.772
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>77.614.672.769</b>	<b>132.169.975.183</b>
<b>Trong đó:</b>		
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
Công ty liên doanh làng quốc tế Hướng Dương GS- HP	28.718.870.735	76.339.465.568

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>
Giá vốn hàng bán, dịch vụ đã cung cấp	24.099.143.383	24.671.314.324
Giá vốn hợp đồng xây dựng	26.527.084.184	82.492.858.713
<b>Cộng</b>	<b>50.626.227.567</b>	<b>107.164.173.037</b>

**30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.419.086.484	1.556.252.251
Lãi bán các khoản đầu tư	539.516.482	75.290.692.284
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.885.600.000	355.040.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	419.401	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	8.135
<b>Cộng</b>	<b>8.844.622.367</b>	<b>77.201.992.670</b>

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>
Lỗ do bán chứng khoán kinh doanh, thanh lý các khoản đầu tư	527.584.553	338.897.981
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	13.633.215.929	131.883.416
Chi phí tài chính khác	69.408.679	27.056.435
<b>Cộng</b>	<b>14.230.209.161</b>	<b>497.837.832</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG      BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/6/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)      MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>
<b>32.1 Chi phí bán hàng</b>	<b>100.522.580</b>	<b>107.598.599</b>
Chi phí nhân viên	100.522.580	107.598.599
<b>32.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>4.646.804.959</b>	<b>6.194.847.138</b>
Chi phí nhân viên	2.407.139.930	1.791.186.150
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.235.256	580.771.362
Chi phí khấu hao TSCĐ	204.036.627	265.325.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.021.393.146	3.557.563.921

**33. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>
Thanh lý công cụ, dụng cụ	58.328.272	6.156.000
Thu thanh lý TSCĐ	14.254.545	-
Các khoản phạt, bồi thường, lãi chậm trả theo hợp đồng	1.706.314.543	786.500.647
Các khoản khác	227.808.744	120.270.958
<b>Cộng</b>	<b>2.006.706.104</b>	<b>912.927.605</b>

**34. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>
Phạt vi phạm hành chính thuế	151.509.160	58.105.804
Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	-	53.000.000
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	7.049.885	-
Chi phí xây dựng cơ bản bị loại khi kiểm toán	-	3.328.159.740
Các khoản khác	23.264.263	-
<b>Cộng</b>	<b>181.823.308</b>	<b>3.439.265.544</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG**    **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/6/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**    **MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
 (Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.130.736.016	27.490.482.050
Chi phí nhân công	18.676.887.803	15.664.863.478
Chi phí khấu hao	4.923.582.535	6.872.210.581
Chi phí khác	13.098.368.807	63.707.442.981
<b>Cộng</b>	<b>51.829.575.161</b>	<b>113.734.999.090</b>

**36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>
Công ty mẹ	3.123.975.961	18.394.002.717
<b>Cộng</b>	<b>3.123.975.961</b>	<b>18.394.002.717</b>

**37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc điều chỉnh các giao dịch hợp nhất	(227.168.483)	394.281.161
<b>Cộng</b>	<b>(227.168.483)</b>	<b>394.281.161</b>

**38. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.158.889.097	84.125.784.632
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (1)	28.158.889.097	84.125.784.632
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (2)	15.527.929	15.543.029
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3)=(1)/(2)</b>	<b>1.813</b>	<b>5.412</b>

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)      MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**39. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Theo Quyết định số 19/QĐ-HACO3.18 ngày 03/7/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Phạm Kỳ Hưng - Tổng Giám đốc sẽ thôi điều hành Công ty từ ngày 18/7/2018. Bà Nguyễn Thị Thủy được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc theo Quyết định số 20/QĐ-HACO3.18 ngày 03/7/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày 30/6/2018 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018.

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.25.

	<b>Giá trị ghi sổ 30/6/2018 VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ 01/01/2018 VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	128.825.756.684	199.154.518.842
Chứng khoán kinh doanh	49.173.420.000	47.743.750.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	91.964.838.213	65.281.528.444
Phải thu của khách hàng	69.749.526.199	38.991.807.060
Phải thu về cho vay	100.000.000	100.000.000
Phải thu khác	16.068.284.486	14.368.522.689
<b>Cộng</b>	<b>355.881.825.582</b>	<b>365.640.127.035</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	7.847.843.643	10.823.901.629
Chi phí phải trả	2.568.594.423	3.319.519.758
Phải trả khác	81.252.812.718	69.868.838.037
Vay và nợ thuê tài chính	11.718.972.037	11.718.972.037
<b>Cộng</b>	<b>103.388.222.821</b>	<b>95.731.231.461</b>

Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)      MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
 (Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

• **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), chứng khoán kinh doanh, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

- Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

- Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Tài sản tài chính quá hạn</b>		
Quá hạn từ 03 năm trở lên	571.405.205	2.786.176.971
<b>Tài sản tài chính giảm giá</b>		
Chứng khoán kinh doanh	18.476.586.656	4.889.607.227
<b>Cộng</b>	<b>19.047.991.861</b>	<b>7.675.784.198</b>

Tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) và giảm giá nêu trên đã được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính. Ngoài các khoản nêu trên, Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

• **Rủi ro thanh khoản**

Công ty không gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 1 năm VND	Trên 1 năm VND
<b>Tại 30/6/2018</b>		
Phải trả người bán	7.847.843.643	-
Chi phí phải trả	2.568.594.423	-
Phải trả khác	77.522.544.418	3.730.268.300
Vay và nợ thuê tài chính	-	11.718.972.037
<b>Cộng</b>	<b>87.938.982.484</b>	<b>15.449.240.337</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG**      **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/6/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) . MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**Tại 01/01/2018**

Phải trả người bán	10.823.901.629	-
Chi phí phải trả	3.319.519.758	-
Phải trả khác	66.100.087.230	3.768.750.807
Vay và nợ thuê tài chính	-	11.718.972.037
<b>Cộng</b>	<b>80.243.508.617</b>	<b>15.487.722.844</b>

• **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

**41. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: bộ phận xây lắp, bộ phận dịch vụ và bộ phận sản xuất. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 3 bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận xây lắp: xây dựng công trình theo hợp đồng.

Bộ phận dịch vụ: quảng cáo, cho thuê bất động sản, kinh doanh nhà hàng.

Bộ phận sản xuất: in ấn.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại 30/6/2018**

	<u>In ấn</u>	<u>Xây lắp</u>	<u>Dịch vụ</u>	<u>Đơn vị tính: VND</u> <u>Cộng</u>
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	176.619.727.183	61.935.587.675	85.046.855.953	323.602.170.811
Tài sản không phân bổ				369.716.333.176
<b>Cộng</b>				<b>693.318.503.987</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	68.554.508.192	28.392.497.433	2.365.796.640	99.312.802.265
Nợ phải trả không phân bổ				35.145.211.881
<b>Cộng</b>				<b>134.458.014.146</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG      BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/6/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)      MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ 01/01/2018 đến 30/6/2018**

	<u>In ấn</u>	<u>Xây lắp</u>	<u>Dịch vụ</u>	Đơn vị tính: VND <u>Cộng</u>
Doanh thu thuần	1.953.881.400	28.732.740.735	46.928.050.634	77.614.672.769
Giá vốn hàng bán	1.178.696.032	26.527.084.184	22.920.447.351	50.626.227.567
Chi phí không phân bổ				4.747.327.539
Doanh thu hoạt động tài chính				8.844.622.367
Chi phí tài chính				14.230.209.161
Lãi (lỗ) khác				15.438.020.632
Lợi nhuận trước thuế				32.293.551.501
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				2.896.807.478
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>29.396.744.023</b>

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại 31/12/2017**

	<u>In ấn</u>	<u>Xây lắp</u>	<u>Dịch vụ</u>	Đơn vị tính: VND <u>Cộng</u>
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	178.133.264.066	30.375.594.395	95.525.129.419	304.033.987.880
Tài sản không phân bổ				403.036.798.784
<b>Cộng</b>				<b>707.070.786.664</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	72.592.219.067	29.172.934.615	4.839.848.466	106.605.002.148
Nợ phải trả không phân bổ				51.168.708.522
<b>Cộng</b>				<b>157.773.710.670</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ 01/01/2017 đến 30/6/2017**

	<u>In ấn</u>	<u>Xây lắp</u>	<u>Dịch vụ</u>	Đơn vị tính: VND <u>Cộng</u>
Doanh thu thuần	10.541.644.295	83.834.377.772	37.793.953.116	132.169.975.183
Giá vốn hàng bán	7.464.786.681	82.547.336.240	17.152.050.116	107.164.173.037
Chi phí không phân bổ				6.302.445.737
Doanh thu hoạt động tài chính				77.201.992.670
Chi phí tài chính				497.837.832
Lãi (lỗ) khác				6.869.292.294
Lợi nhuận trước thuế				102.276.803.541
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				18.788.283.878
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>83.488.519.663</b>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận địa lý là Thành phố Hải Phòng, Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09a - DN/HN**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)**42. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND
<b>Công ty Liên doanh Làng quốc tế Hướng Dương GS - HP</b>		
Xây dựng công trình	28.718.870.735	76.339.465.568
Phải thu lãi ứng vốn	1.705.210.793	786.500.647
Thuế GTGT công trình xây dựng	2.871.887.074	7.360.654.324
Thu tiền xây dựng công trình	1.515.963.067	60.867.495.970
Nhận tiền ứng trước theo hợp đồng	-	560.919.400
Tiền tiện, nước phải trả	746.579	321.908.093
Bù trừ công nợ phải trả và công nợ phải thu	746.579	325.799.373
Thu tiền cổ tức	1.464.863.000	-
<b>Số dư với các bên liên quan</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>01/01/2018 VND</b>
<b>Công ty Liên doanh Làng quốc tế Hướng Dương GS - HP</b>		
Phải thu tiền xây dựng, dịch vụ	60.969.719.474	29.190.460.518
Phải thu lợi nhuận được chia	6.006.661.494	7.471.524.494
Góp vốn	13.310.000.000	13.310.000.000
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 VND</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>
Tổng Giám đốc	286.603.500	257.276.300
Người quản lý khác	585.114.500	429.067.900
<b>Cộng</b>	<b>871.718.000</b>	<b>686.344.200</b>

**43. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt - Chi nhánh Hải Phòng.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 10 tháng 8 năm 2018

Tổng Giám đốc

Vũ Thị Vân Thường

Luu Thị Phương

Nguyễn Thị Thúy